

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIỂM SÁT

HÀ THỊ HẰNG
HÀ ĐỨC ANH
Trường Đại học Kiểm sát

Nhận bài ngày 15/01/2026. Sửa chữa xong 25/02/2026. Duyệt đăng 26/02/2026.

Abstract

In the context of digital transformation in education, artificial intelligence (AI) is increasingly becoming a common tool to support student learning. For students at Hanoi Procuratorate University, who are future judicial officers, the use of AI not only facilitates document retrieval and academic support but also influences the formation of legal thinking and professional ethics. In addition to benefits such as time saving, knowledge systematization, and research support, AI also raises concerns related to technological dependence, the decline of independent thinking, and potential threats to academic integrity. This article analyzes the current state of students' access to AI, their purposes of use, and their perceptions of this technology, while proposing several solutions to promote the effective and responsible use of AI in legal education.

Keywords: Artificial intelligence, learning, students at Hanoi Procuratorate University, use of artificial intelligence.

1. Đặt vấn đề

Trong vài thập kỷ qua, trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence – AI) ngày càng nhận được sự quan tâm lớn và sự đầu tư phát triển AI được xem là một trong những động lực của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư [9, tr. 50]. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ này đã làm thay đổi nhiều thói quen, phương pháp và kết quả của các hoạt động trong đời sống và nghiên cứu khoa học [10, tr. 286]. Trong bối cảnh đó, chuyển đổi số trong giáo dục trở thành chiến lược quan trọng nhằm hình thành năng lực số cho người học, đáp ứng yêu cầu của xã hội tri thức và thị trường lao động trong kỷ nguyên công nghiệp 4.0. Sinh viên (SV) Trường Đại học Kiểm sát – cơ sở đào tạo nguồn nhân lực pháp lý cho ngành Kiểm sát – cũng đang ngày càng chủ động khai thác các công cụ AI như phương tiện hỗ trợ học tập và xử lý thông tin chuyên ngành.

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích rõ rệt, việc sử dụng AI cũng đặt ra nhiều vấn đề như nguy cơ lệ thuộc công nghệ, suy giảm năng lực tư duy độc lập, tiếp nhận thông tin thiếu kiểm chứng và những thách thức đối với liêm chính học thuật. Đặc thù đào tạo pháp lý đòi hỏi tính chính xác, lập luận logic và chuẩn mực nghề nghiệp cao, vì vậy việc ứng dụng AI cần được xem xét thận trọng và có định hướng phù hợp.

Trên cơ sở “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Khung năng lực số cho người học theo Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025. Khung năng lực này nhằm chuẩn hóa các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết trong môi trường học tập số, thể hiện sự chuyển dịch từ tư duy “ứng dụng công nghệ” sang “làm chủ công nghệ”. Đây là chìa khóa giúp “người học tận dụng tối đa các công cụ và tài nguyên số để nâng cao chất lượng học tập” [3, tr. 249].

Trong bối cảnh AI ngày càng được sử dụng rộng rãi trong học tập, khung năng lực số trở thành căn cứ quan trọng để định hướng SV sử dụng AI hiệu quả và phù hợp với chuẩn mực học thuật. Xuất phát từ thực tiễn đó, việc nghiên cứu thực trạng sử dụng AI trong học tập của SV Trường Đại học Kiểm sát là cần thiết nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho các giải pháp quản lý và khai thác công nghệ phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục.

Email: hadinhhung@dvtdt.edu.vn

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. AI và mức độ ứng dụng trong hoạt động học tập, nghiên cứu

Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI) là lĩnh vực khoa học và công nghệ nhằm phát triển các hệ thống máy tính có khả năng thực hiện những nhiệm vụ đòi hỏi trí tuệ con người như học tập, suy luận, nhận diện mẫu, xử lý ngôn ngữ tự nhiên và ra quyết định. Trong giáo dục đại học, AI không chỉ là công cụ kỹ thuật mà còn trở thành nền tảng hỗ trợ học tập và nghiên cứu với khả năng phân tích dữ liệu lớn, cá nhân hóa nội dung và tương tác theo thời gian thực. Sự phát triển của các mô hình ngôn ngữ lớn, trợ lý ảo và phần mềm hỗ trợ viết học thuật đã mở ra những phương thức tiếp cận tri thức mới cho người học.

Trong học tập, AI được ứng dụng chủ yếu dưới ba hình thức: hỗ trợ tìm kiếm và tổng hợp thông tin, cá nhân hóa quá trình học tập và hỗ trợ các kỹ năng học thuật. Các công cụ AI có thể xử lý nhanh khối lượng lớn dữ liệu, tóm lược văn bản và gợi ý tài liệu tham khảo, giúp SV nâng cao hiệu quả tiếp cận tri thức. Đồng thời, thông qua phân tích nhu cầu người học, hệ thống AI có thể đề xuất lộ trình học tập phù hợp và cung cấp phản hồi tức thì. Việc sử dụng AI trong học tập và nghiên cứu là một trong những trụ cột của khung năng lực số dành cho người học theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bởi “thị trường lao động trong kỷ nguyên số đòi hỏi người lao động phải có các kỹ năng số vững chắc để sẵn sàng thích ứng với các công việc trong tương lai” [3, tr. 249].

Trong nghiên cứu, AI hỗ trợ phân tích dữ liệu, xử lý văn bản pháp lý và nhận diện mối quan hệ giữa các biến số. Đây cũng là biểu hiện của phương pháp lấy người học làm trung tâm, khi “trong môi trường 4.0, mỗi SV có nhu cầu và năng lực học tập khác nhau sẽ được thiết kế tiến độ học tập riêng” [1, tr.29]. Đối với SV ngành Luật và Kiểm sát, AI còn hỗ trợ tra cứu văn bản pháp luật, tổng hợp án lệ và phân tích lập luận pháp lý, góp phần nâng cao năng lực tự học.

Tuy nhiên, hiệu quả ứng dụng AI phụ thuộc vào nhận thức và kỹ năng số của người học. Nếu được sử dụng hợp lý, AI có thể trở thành “trợ lý học thuật” hỗ trợ tư duy phản biện và mở rộng khả năng tiếp cận tri thức; ngược lại, việc phụ thuộc quá mức có thể làm suy giảm năng lực tự nghiên cứu. Vì vậy, trong môi trường đào tạo tại Trường Đại học Kiểm sát, việc sử dụng AI cần đặt trong khuôn khổ quản lý phù hợp, bảo đảm tính chính xác thông tin và liêm chính học thuật.

2.2. Thực trạng sử dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động học tập của sinh viên Trường Đại học Kiểm sát

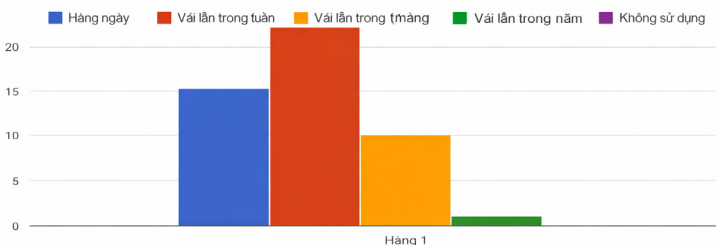
Để đánh giá thực trạng sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động học tập của SV Trường Đại học Kiểm sát, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát trong khoảng thời gian từ tháng 10 năm 2025 đến tháng 01 năm 2026. Tổng số 50 SV tham gia khảo sát, được phân bổ theo các năm học gồm: 10 SV năm thứ nhất, 23 SV năm thứ hai, 12 SV năm thứ ba và 5 SV năm thứ tư. Nội dung khảo sát tập trung vào việc tìm hiểu thái độ, nhận thức của SV đối với công nghệ trong học tập, đồng thời đánh giá mức độ và hình thức ứng dụng AI trong quá trình học tập và nghiên cứu của SV Trường Đại học Kiểm sát. Kết quả khảo sát là cơ sở để phân tích và làm rõ thực trạng sử dụng AI trong học tập của SV, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ trong môi trường giáo dục đại học.

Khảo sát thực trạng sử dụng AI trong học tập có ý nghĩa quan trọng nhằm nhận diện mức độ thâm nhập của công nghệ này vào môi trường đào tạo pháp lý. Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục diễn ra mạnh mẽ, SV không chỉ là đối tượng tiếp nhận tri thức mà còn là chủ thể trực tiếp tương tác với các công cụ AI trong học tập và nghiên cứu. Vì vậy, việc đánh giá thực trạng cần được tiếp cận toàn diện, bao gồm mức độ am hiểu, tần suất và mục đích sử dụng, loại hình công cụ được khai thác, cũng như nhận thức và kỹ năng sử dụng AI. Phân tích thực trạng không chỉ dừng ở thống kê tần suất sử dụng mà còn làm rõ chiều sâu khai thác công nghệ, mức độ phù hợp với đặc thù đào tạo ngành kiểm sát và những tác động đa chiều đến năng lực học thuật của SV. Kết quả khảo sát năm 2026 được sử dụng làm căn cứ thực nghiệm để phản ánh tương đối khách quan xu hướng ứng dụng AI trong học tập tại Trường Đại học Kiểm sát, qua đó tạo nền tảng khoa học cho các phân tích và đề xuất giải pháp.

2.2.1. Mức độ và tần suất sử dụng

Trên cơ sở khảo sát thực nghiệm năm 2026, có thể nhận định rằng mức độ tiếp cận AI của SV Trường Đại học Kiểm sát tương đối cao và có xu hướng phổ biến trong môi trường học thuật. Phần lớn SV đã từng sử dụng ít nhất một công cụ AI phục vụ học tập, với tần suất sử dụng từ thường xuyên đến định kỳ hàng tuần (biểu đồ). Điều này cho thấy AI không còn là công nghệ mang tính thử nghiệm mà đã trở thành một phương tiện hỗ trợ quen thuộc trong quá trình tiếp cận tri thức.

Biểu đồ 1: Tần suất sử dụng AI của SV



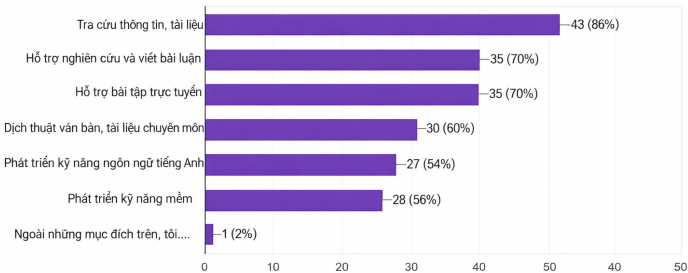
[Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài, 2026]

Tuy nhiên, mức độ am hiểu và năng lực khai thác AI còn có sự phân tầng rõ rệt. Mặc dù tỷ lệ SV biết và sử dụng AI ở mức cơ bản chiếm đa số, nhưng số SV thực sự thành thạo trong khai thác chuyên sâu còn hạn chế. Điều này phản ánh sự chênh lệch giữa mức độ tiếp cận và mức độ làm chủ công nghệ. Nhiều SV mới tiếp cận AI như công cụ hỗ trợ tra cứu nhanh hoặc gợi ý nội dung, chưa khai thác được tiềm năng phân tích, phản biện và xử lý thông tin chuyên sâu – những kỹ năng đặc biệt quan trọng trong đào tạo pháp lý.

2.2.2. Mục đích và hình thức sử dụng

Khảo sát trên tổng mẫu 50 SV cho thấy mục đích sử dụng AI của SV Trường Đại học Kiểm sát tập trung chủ yếu vào các hoạt động hỗ trợ học thuật trực tiếp (biểu đồ 2). Tỷ lệ cao nhất thuộc về mục đích tra cứu thông tin, tài liệu (86%), cho thấy AI đang được xem như công cụ tìm kiếm và tổng hợp tri thức thay thế hoặc bổ trợ cho các phương thức tra cứu truyền thống. Điều này phản ánh nhu cầu xử lý nhanh khối lượng lớn văn bản pháp lý và tài liệu chuyên ngành – một đặc thù trong đào tạo lĩnh vực kiểm sát.

Biểu đồ 2: Mức độ và hình thức sử dụng AI của SV



[Nguồn: Kết quả khảo sát đề tài, 2026]

Bên cạnh đó, các mục đích như hỗ trợ nghiên cứu và viết bài luận (70%) và hỗ trợ bài tập trực tuyến

(70%) cũng chiếm tỷ lệ đáng kể. Điều này cho thấy AI đã được tích hợp vào các nhiệm vụ học thuật có tính chất phân tích và tổng hợp. Tuy nhiên, việc sử dụng AI trong viết bài luận nếu không được kiểm soát có thể tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến tính độc lập trong tư duy và chuẩn mực liêm chính học thuật.

Các mục đích như dịch thuật tài liệu chuyên môn (60%), phát triển kỹ năng mềm (56%) và phát triển kỹ năng ngoại ngữ (54%) cho thấy AI còn được khai thác như công cụ hỗ trợ phát triển năng lực cá nhân. Tuy nhiên, tỷ lệ này thấp hơn so với nhóm mục đích học thuật cốt lõi, chứng tỏ SV hiện nay vẫn chủ yếu nhìn nhận AI như công cụ giải quyết nhiệm vụ học tập trước mắt hơn là công cụ phát triển năng lực dài hạn. Đáng chú ý, tỷ lệ lựa chọn “ngoài các mục đích trên” rất thấp (2%), cho thấy phạm vi sử dụng AI tương đối tập trung và chưa thực sự đa dạng. Điều này phản ánh AI mới được khai thác ở mức công cụ hỗ trợ kỹ thuật, chưa trở thành phương tiện sáng tạo học thuật hay mô phỏng tình huống pháp lý chuyên sâu.

Từ đó có thể nhận định rằng mục đích sử dụng AI của SV mang tính thực dụng, hướng đến tối ưu hóa hiệu quả học tập hơn là đổi mới phương pháp tư duy. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cần định hướng SV sử dụng AI không chỉ như công cụ tra cứu mà còn như phương tiện phát triển năng lực phân tích, lập luận pháp lý và tư duy phản biện, những phẩm chất cốt lõi trong đào tạo ngành kiểm sát.

Về hình thức sử dụng, AI chủ yếu được SV khai thác trong các hoạt động như tìm kiếm, tóm tắt tài liệu, hỗ trợ làm bài tập, chỉnh sửa văn bản và giải thích khái niệm pháp lý. Điều này cho thấy AI được sử dụng như một “trợ lý học tập” hỗ trợ kỹ thuật nhiều hơn là công cụ tư duy học thuật. Tỷ lệ sử dụng AI cho các nhiệm vụ mang tính phân tích chuyên sâu, xây dựng lập luận hoặc mô phỏng tình huống pháp lý còn ở mức trung bình. Như vậy, AI hiện đang đóng vai trò hỗ trợ bổ trợ thay vì thay thế hay tái cấu trúc toàn bộ phương thức học tập.

Đáng chú ý, việc lựa chọn công cụ AI cũng có xu hướng tập trung vào một số nền tảng phổ biến, đặc biệt là các mô hình ngôn ngữ lớn. Sự phụ thuộc cao vào một số công cụ nhất định có thể làm hạn chế tính đa dạng nguồn tham chiếu và tiềm ẩn nguy cơ tiếp nhận thông tin một chiều nếu thiếu kỹ năng kiểm chứng.

Từ những phân tích trên có thể đánh giá rằng SV Trường Đại học Kiểm sát đã có mức độ tiếp cận AI tương đối rộng, song chiều sâu khai thác và tính chủ động trong sử dụng còn hạn chế. Thực trạng này đặt ra yêu cầu cần nâng cao năng lực số, hướng dẫn sử dụng AI có trách nhiệm và gắn kết chặt chẽ hơn giữa công nghệ với yêu cầu phát triển tư duy pháp lý, lập luận logic và chuẩn mực liêm chính học thuật trong môi trường đào tạo đặc thù.

2.2.3. Nhận thức của sinh viên về lợi ích và rủi ro

Nhận thức của SV về lợi ích và rủi ro khi sử dụng AI là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng và hiệu quả khai thác công nghệ trong môi trường học thuật. Khảo sát thực nghiệm cho thấy SV Trường Đại học Kiểm sát có xu hướng đánh giá AI theo chiều hướng tích cực, song đồng thời cũng bước đầu nhận diện được những nguy cơ tiềm ẩn trong quá trình sử dụng.

Khảo sát trên tổng số 50 phiếu cho thấy phần lớn SV lựa chọn mức đồng ý cao (mức 4 đạt lần lượt 75,6% và mức 5 đạt 86,3%) đối với các nhận định như AI giúp tiết kiệm thời gian, hỗ trợ tra cứu tài liệu, nâng cao hiệu quả học tập và hỗ trợ nghiên cứu. Số lượng phản hồi tập trung nhiều ở hai mức đánh giá cao cho thấy AI được nhìn nhận như một công cụ hỗ trợ học thuật hữu ích, đặc biệt trong bối cảnh khối lượng tài liệu pháp lý lớn và yêu cầu xử lý thông tin nhanh chóng. Điều này phản ánh nhận thức khá rõ ràng của SV về vai trò thực tiễn của AI trong tối ưu hóa quy trình học tập.

Đối với các nội dung liên quan đến rủi ro như nguy cơ phụ thuộc công nghệ, ảnh hưởng đến tư duy độc lập hoặc khả năng vi phạm liêm chính học thuật, kết quả khảo sát cũng cho thấy tỷ lệ đáng kể SV lựa chọn mức đồng ý cao. Điều này chứng tỏ SV không hoàn toàn thụ động trước công nghệ mà đã có sự cân nhắc nhất định về hệ quả tiêu cực. Tuy nhiên, so với nhóm nhận thức về lợi ích, mức độ đồng thuận tuyệt đối đối với rủi ro có xu hướng thấp hơn, cho thấy nhận thức về mặt tích cực vẫn chiếm ưu thế.

Đáng chú ý, sự phân bố câu trả lời cho thấy một bộ phận SV còn dao động giữa các mức đánh giá

trung bình và cao, phản ánh sự thiếu thống nhất trong cách nhìn nhận tác động dài hạn của AI. Điều này có thể xuất phát từ việc SV chủ yếu tiếp cận AI ở góc độ công cụ hỗ trợ ngắn hạn, chưa có trải nghiệm đủ sâu để đánh giá đầy đủ các hệ quả về tư duy và đạo đức học thuật.

2.3. Thảo luận

2.3.1. Những vấn đề đặt ra

Với đặc điểm vượt trội trong “xử lý tình huống phức tạp, phản ứng nhanh chóng và chính xác với tình huống mới; nhận dạng và hiểu được ngữ nghĩa, hình ảnh, xử lý và thao tác ký hiệu, sáng tạo và có trí tưởng tượng” [5, tr. 27], AI đang đóng vai trò hỗ trợ tối ưu trong nhiều mặt đời sống, học tập và nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu về thực trạng sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học tập của SV Trường Đại học Kiểm sát cho thấy một bức tranh hai mặt: sự phổ biến nhanh chóng và xu hướng chấp nhận rộng rãi công nghệ này, song đồng thời bộc lộ những giới hạn về chiều sâu khai thác, năng lực tự chủ học thuật và cơ chế quản lý. Trên tinh thần phê phán, phần thảo luận tập trung vào ba vấn đề trọng tâm: 1) Sự gia tăng sử dụng AI mang tính thực dụng; 2) Nguy cơ tái cấu trúc âm thầm năng lực tư duy pháp lý; và 3) Khoảng trống thể chế trong quản lý, định hướng sử dụng AI trong môi trường đào tạo kiểm sát.

Thứ nhất, dữ liệu khảo sát cho thấy tần suất sử dụng AI ở mức cao, với đa số SV sử dụng hằng tuần hoặc hằng ngày; mục đích chủ yếu là tra cứu tài liệu (86%), hỗ trợ viết bài và làm bài tập (70%). Điều này phản ánh xu hướng “bình thường hóa” AI trong hoạt động học tập và nghiên cứu. Tuy nhiên, cần nhìn nhận thận trọng rằng việc sử dụng tập trung vào tra cứu, tóm tắt, gợi ý nội dung cho thấy AI đang được khai thác chủ yếu như công cụ tối ưu hóa thời gian hơn là phương tiện phát triển tư duy. Nói cách khác, SV có xu hướng sử dụng AI để rút ngắn quy trình học tập thay vì đào sâu quá trình chiếm lĩnh tri thức. Trong đào tạo pháp lý, đặc biệt với ngành Kiểm sát, sự phụ thuộc AI quá mức có thể làm suy yếu quá trình hình thành năng lực nghề nghiệp cốt lõi. Tuy nhiên, một số khuyến cáo cho rằng cần trang bị nền tảng công nghệ cho người học vì: “khi có kiến thức công nghệ thông tin vững vàng, SV sẽ không chỉ sử dụng AI một cách chủ động, mà còn có thể khai thác, tùy chỉnh và phát triển các giải pháp thông minh cho học tập” [2, tr. 45].

Thứ hai, mặc dù SV nhận thức được cả lợi ích và rủi ro của AI, song nhận thức này còn mang tính định tính và chưa chuyển hóa thành kỹ năng sử dụng có kiểm soát. Tỷ lệ đồng thuận cao đối với các nhận định tích cực (mức 4 và 5) vượt trội so với đánh giá tiêu cực cho thấy một thiên hướng lạc quan công nghệ. Sự lạc quan này có thể tạo ra ảo tưởng về năng lực: SV tin rằng mình học hiệu quả hơn nhờ AI, trong khi thực chất một phần hoạt động tư duy đã được “giao quyền” cho công nghệ. Một số nghiên cứu còn cho rằng lượng dữ liệu văn bản rất lớn được thu thập để huấn luyện các AI “không phải tất cả đều thiên hướng đúng với các chuẩn mực xã hội” [6, tr. 99]. Điều này cho thấy các thông tin SV tiếp cận từ AI cần phải được kiểm chứng, chất lọc. Nếu không có cơ chế phản tư và kiểm chứng độc lập, việc phụ thuộc vào AI có thể cản trở quá trình nhận thức chủ động, tức là người học giảm đầu tư vào phân tích sâu vì tin rằng công cụ đã thực hiện thay mình. Một số nghiên cứu cho rằng bên cạnh những ảnh hưởng tích cực thì việc kích lệ sử dụng AI trong người học sẽ làm: “gia tăng sự ỷ lại, lười nhác của SV; tính không kiểm chứng trong tri thức do AI cung cấp cho người học; tính “liêm chính” trong những bài làm thực chất của SV và những bài làm do trí tuệ nhân tạo làm; sự xơ cứng, máy móc của AI khiến cho người học không cảm nhận được trạng thái cảm xúc và văn hóa đối với các hoạt động học tập” [7, tr. 10].

Đặc biệt, trong bối cảnh đào tạo kiểm sát, ngành nghề gắn với trách nhiệm pháp lý, chuẩn mực đạo đức và tính chính xác cao, nguy cơ này không chỉ dừng ở mức học thuật mà còn có thể ảnh hưởng lâu dài đến năng lực hành nghề. Một cán bộ kiểm sát tương lai cần khả năng đọc, hiểu và phân tích văn bản pháp luật một cách độc lập, chứ không chỉ dựa vào bản tóm tắt hay gợi ý do hệ thống AI cung cấp. Do đó, vấn đề không phải là có nên sử dụng AI hay không, mà là sử dụng ở mức độ nào và trong giới hạn nào để không làm xói mòn nền tảng tư duy pháp lý.

Thứ ba, kết quả khảo sát cho thấy sự thiếu vắng một khung định hướng chính thức về sử dụng AI trong học tập. SV tiếp cận AI chủ yếu dựa trên nhu cầu cá nhân, chưa có hướng dẫn cụ thể từ phía nhà

trường về chuẩn mực liêm chính học thuật cũng như cảm nang hoàn chỉnh về quy trình, cách thức học tập dưới sự trợ giúp của AI. Điều này dẫn đến hai hệ quả: một là, SV có thể sử dụng AI một cách vô thức, không phân biệt giữa hỗ trợ và thay thế; hai là, sự khác biệt về kỹ năng số tạo ra khoảng cách trong chất lượng học tập giữa các nhóm SV. Một số ý kiến cho thấy “Các hệ thống được hỗ trợ bởi AI có thể phân tích phong cách học tập, điểm mạnh và điểm yếu của người học và điều chỉnh tài liệu học tập cho phù hợp” [4, tr. 175] nếu người học biết sử dụng, khai thác AI một cách hợp lý.

Đây là những khoảng trống đáng lưu tâm, cần tiếp tục nghiên cứu. Nếu AI được tích hợp tự phát mà không có chính sách rõ ràng, nhà trường sẽ khó kiểm soát tính trung thực học thuật và chất lượng đầu ra. Đồng thời, việc thiếu hướng dẫn cũng làm giảm khả năng khai thác tích cực của AI, khiến công nghệ chỉ dừng lại ở vai trò công cụ kỹ thuật thay vì trở thành phương tiện đổi mới phương pháp dạy – học.

Bên cạnh đó, cần nhìn nhận hạn chế của chính nghiên cứu này. Mẫu khảo sát gồm 50 SV mang tính thăm dò, chưa đủ lớn để khái quát toàn diện cho toàn bộ SV Trường Đại học Kiểm sát. Tuy nhiên, các xu hướng được ghi nhận về tần suất sử dụng cao, mục đích thực dụng, nhận thức tích cực nhưng chưa sâu vẫn có giá trị gợi mở cho những nghiên cứu tiếp theo với quy mô lớn hơn và phương pháp định lượng – định tính kết hợp.

Có thể thấy AI đang tạo ra sự chuyển dịch đáng kể trong cách thức học tập của SV Trường Đại học Kiểm sát. Tuy nhiên, sự chuyển dịch này diễn ra nhanh hơn tốc độ hoàn thiện khung quản lý và định hướng học thuật. Nếu không được điều chỉnh kịp thời, AI có thể làm thay đổi cấu trúc năng lực học tập theo hướng thiên về hiệu suất ngắn hạn thay vì phát triển tư duy bền vững. Do đó, vấn đề cốt lõi không phải là kiểm soát hay cấm đoán AI, mà là xây dựng mô hình sử dụng AI có trách nhiệm, trong đó công nghệ đóng vai trò hỗ trợ tư duy, chứ không thay thế tư duy; tăng cường năng lực phản biện, chứ không làm suy giảm năng lực tự chủ; và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo pháp lý trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện. Kết quả khảo sát và phân tích càng khẳng định rằng việc tích hợp AI vào môi trường đào tạo kiểm sát là xu thế tất yếu, song cần được đặt trong khuôn khổ chuẩn mực học thuật nghiêm ngặt và chiến lược quản trị giáo dục phù hợp, nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa đổi mới công nghệ và gìn giữ giá trị cốt lõi của giáo dục pháp lý.

2.3.2. Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng ứng dụng AI phục vụ hoạt động học tập của sinh viên

Trên cơ sở phân tích thực trạng nhận thức và mức độ sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) của SV Trường Đại học Kiểm sát, có thể nhận thấy rằng AI đang dần trở thành một công cụ hỗ trợ quan trọng trong quá trình học tập và nghiên cứu. Việc xác định rõ những đặc điểm của AI tác động đến hiệu quả học tập của SV là cơ sở quan trọng để đề xuất các giải pháp và chính sách hướng tới phát triển xã hội học tập số bền vững [8, tr. 475]. Để nâng cao hiệu quả ứng dụng AI trong hoạt động học tập của SV, cần triển khai một số giải pháp sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức và năng lực số của SV trong việc sử dụng AI phục vụ học tập. Nhà trường cần tổ chức các chương trình tập huấn, hội thảo hoặc chuyên đề học thuật nhằm trang bị cho SV kiến thức cơ bản về AI, cách thức sử dụng các công cụ AI trong học tập và nghiên cứu. Nội dung đào tạo nên tập trung vào các kỹ năng như tìm kiếm và xử lý thông tin bằng AI, hỗ trợ viết học thuật, phân tích tài liệu pháp lý, cũng như sử dụng AI trong việc tổng hợp và hệ thống hóa kiến thức. Việc nâng cao nhận thức không chỉ giúp SV khai thác hiệu quả công nghệ mà còn góp phần hình thành tư duy học tập chủ động trong bối cảnh chuyển đổi số.

Thứ hai, tăng cường tích hợp AI vào hoạt động giảng dạy và học tập trong chương trình đào tạo. Giảng viên cần chủ động hướng dẫn SV sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ trong quá trình học tập, như tra cứu văn bản pháp luật, phân tích tình huống pháp lý, tóm tắt tài liệu hoặc xây dựng đề cương nghiên cứu. Bên cạnh đó, nhà trường có thể khuyến khích giảng viên thiết kế các bài tập học tập có sự hỗ trợ của AI, qua đó giúp SV phát triển năng lực tự học, tư duy phản biện và kỹ năng khai thác công nghệ trong môi trường học thuật.

Thứ ba, xây dựng cơ chế quản lý và hướng dẫn sử dụng AI trong học tập một cách phù hợp và có trách nhiệm. Trong bối cảnh AI ngày càng được sử dụng rộng rãi, việc ban hành các hướng dẫn về đạo

đức học thuật và quy định sử dụng AI là cần thiết nhằm hạn chế các hành vi lạm dụng công nghệ như sao chép nội dung hoặc phụ thuộc hoàn toàn vào AI trong quá trình học tập. Nhà trường cần xây dựng bộ quy tắc hoặc hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng AI trong học tập và nghiên cứu khoa học, đồng thời khuyến khích SV sử dụng AI như một công cụ hỗ trợ, thay vì thay thế hoàn toàn tư duy cá nhân.

Thứ tư, tăng cường đầu tư hạ tầng công nghệ và xây dựng môi trường học tập số. Việc phát triển các hệ thống học tập trực tuyến, thư viện số, cơ sở dữ liệu học thuật và các nền tảng hỗ trợ học tập thông minh sẽ tạo điều kiện thuận lợi để SV tiếp cận và khai thác hiệu quả các công cụ AI. Đồng thời, nhà trường có thể nghiên cứu triển khai các hệ thống hỗ trợ học tập thông minh tích hợp AI nhằm hỗ trợ SV trong việc tra cứu tài liệu, gợi ý nội dung học tập và giải đáp thắc mắc trong quá trình học tập.

Nhìn chung, việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động học tập của SV là xu hướng tất yếu trong bối cảnh chuyển đổi số của giáo dục đại học hiện nay. Do đó, việc triển khai đồng bộ các giải pháp về nâng cao nhận thức, tích hợp công nghệ trong giảng dạy, hoàn thiện cơ chế quản lý và phát triển hạ tầng công nghệ sẽ góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng AI trong học tập của SV Trường Đại học Kiểm sát trong thời gian tới.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy trí tuệ nhân tạo (AI) đang ngày càng được SV Trường Đại học Kiểm sát sử dụng phổ biến trong hoạt động học tập và nghiên cứu, đặc biệt trong các nhiệm vụ như tra cứu tài liệu, hỗ trợ viết bài và xử lý thông tin học thuật. AI mang lại nhiều lợi ích như tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả học tập và hỗ trợ hệ thống hóa kiến thức. Tuy nhiên, việc sử dụng AI cũng đặt ra một số thách thức như nguy cơ phụ thuộc công nghệ, suy giảm tư duy độc lập và những vấn đề liên quan đến liêm chính học thuật. Do đó, việc tích hợp AI trong môi trường đào tạo cần được định hướng hợp lý, kết hợp giữa nâng cao năng lực số của SV, xây dựng cơ chế quản lý phù hợp và bảo đảm các chuẩn mực học thuật trong đào tạo pháp lý.

Tài liệu tham khảo

- [1] Lưu Văn An (2019). *Giáo dục đại học Việt Nam trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư*. Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam, số 8.
- [2] Lê Thị Cẩm Bình (2025). *Một số vấn đề về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập và nghiên cứu của sinh viên Trường Đại học Văn hóa Hà Nội*. Tạp chí Thông tin tư liệu, số 2.
- [3] Phạm Thị Kim Cúc, Đỗ Tùng (2025). *Phát triển năng lực số cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Hùng Vương*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia: *Xu hướng đào tạo, nghiên cứu các lĩnh vực khoa học xã hội trong bối cảnh hiện nay*, NXB Dân trí, Hà Nội.
- [4] Phạm Công Vũ Dương (2025). *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hỗ trợ học tập cho sinh viên y khoa - cơ hội và thách thức*. Tạp chí Tâm lý - Giáo dục (tập 31), số 10 kỳ 1 tháng 10.
- [5] Hồ Đắc Lộc, Huỳnh Châu Duy (2020). *Phát triển trí tuệ nhân tạo tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*. Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, số 1+2.
- [6] Nguyễn Thị Phước (2023). *Sử dụng chat GPT làm công cụ hỗ trợ trong việc dạy và học ngành truyền thông*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, số 25 tháng 9, tr. 95-100. Nguồn: <https://doi.org/10.59294/HIUIJS.25.2023.507>.
- [7] Bùi Trọng Tài, Nguyễn Minh Tuấn (2024). *Nghiên cứu ảnh hưởng của trí tuệ nhân tạo trong giáo dục tới hoạt động học tập của sinh viên*. Tạp chí Giáo dục, 24 (10), tr. 6-11.
- [8] Nguyễn Nhật Tân (2025). *Ảnh hưởng của các đặc điểm trí tuệ nhân tạo (AI) đối với nhận thức hiệu quả học tập của sinh viên đại học*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học mở Hà Nội, số đặc biệt 7A, tr. 474-489.
- [9] Đỗ Thị Hoài Thanh và cộng sự (2025). *Nhận thức, thái độ về trí tuệ nhân tạo và các yếu tố liên quan của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng*. Tạp chí Khoa học Điều dưỡng, tập 08, số 04, tr. 49-63.
- [10] Vũ Thị Kim Thanh, Lưu Thủy Chung (2024). *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong học tập tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh*. Tạp chí Thiết bị Giáo dục, tập 2, số 311, tháng 4, tr. 286-288.